



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Đào Trọng Sử	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022
Ông Mai Xuân Ngọt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/09/2022
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/05/2022
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Đương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2020-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

HÀNG
KIỂM
TOÁN
AASC

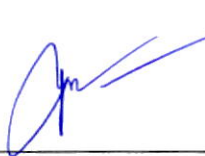
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

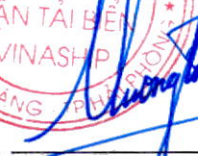
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2022	
			31/12/2022	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		452.957.960.680	377.414.620.673
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	237.371.958.697	174.711.618.987
111	1. Tiền		237.371.958.697	154.711.618.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	120.554.520.548	40.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		120.554.520.548	40.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.243.067.264	52.838.677.704
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.955.297.081	22.370.437.740
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.081.097.714	1.180.489.885
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.668.066.673	39.979.337.857
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.461.394.204)	(10.691.587.778)
140	IV. Hàng tồn kho	9	58.178.100.845	78.803.563.931
141	1. Hàng tồn kho		58.178.100.845	78.803.563.931
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.610.313.326	31.060.760.051
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.578.321.423	2.569.764.889
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.101.920.322	22.827.630.352
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.930.071.581	5.663.364.810
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		275.253.722.551	364.405.019.210
220	II. Tài sản cố định		223.728.253.912	305.988.469.044
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	223.521.165.010	305.599.380.150
222	- Nguyên giá		1.320.380.527.252	1.389.694.814.964
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.096.859.362.242)	(1.084.095.434.814)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	207.088.902	389.088.894
228	- Nguyên giá		664.654.500	664.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(457.565.598)	(275.565.606)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	4.239.128.721	5.424.942.921
231	- Nguyên giá		23.700.004.651	24.550.647.769
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.460.875.930)	(19.125.704.848)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.439.374.004	1.030.015.564
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.439.374.004	1.030.015.564
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.094.730.405	5.121.679.205
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.000.000.000	5.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		537.428.525	537.428.525
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(442.698.120)	(415.749.320)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.752.235.509	46.839.912.476
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	37.861.943.111	46.839.912.476
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33a	890.292.398	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		728.211.683.231	741.819.639.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2022	
			31/12/2022	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		235.386.703.338	500.007.940.823
310	I. Nợ ngắn hạn		223.065.253.338	408.936.621.989
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.867.994.779	23.833.104.971
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	604.465.000	111.355.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.299.263.246	750.155.041
314	4. Phải trả người lao động		51.120.979.274	30.696.658.922
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	179.499.010	912.500.990
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	13.199.889.446	66.272.575.548
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	89.564.354.843	154.559.321.386
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	23.697.000.000	130.767.814.831
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		531.807.740	1.033.135.100
330	II. Nợ dài hạn		12.321.450.000	91.071.318.834
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	9.874.262.994
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	12.321.450.000	81.197.055.840
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		492.824.979.893	241.811.699.060
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	492.824.979.893	241.811.699.060
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		209.892.258.039	(41.121.022.794)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(41.121.022.794)	(218.563.327.214)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		251.013.280.833	177.442.304.420
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		728.211.683.231	741.819.639.883


Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

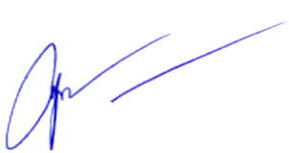



Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

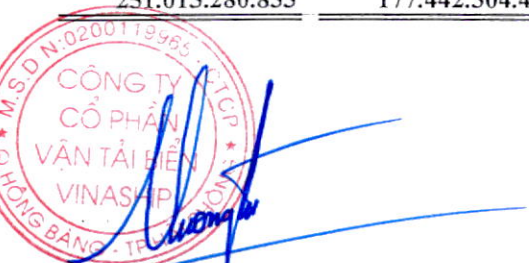
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	
			Năm 2022 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.005.669.145.989	769.403.153.272
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.005.669.145.989	769.403.153.272
11	4. Giá vốn hàng bán	25	730.377.393.501	551.185.141.333
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.291.752.488	218.218.011.939
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	12.748.221.119	15.643.456.569
22	7. Chi phí tài chính	27	16.989.569.268	22.829.685.559
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.133.565.044	20.851.215.090
25	8. Chi phí bán hàng	28	22.237.345.500	22.335.950.007
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	43.454.512.251	31.318.495.111
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		205.358.546.588	157.377.337.831
31	11. Thu nhập khác	30	108.750.222.614	24.769.179.974
32	12. Chi phí khác	31	304.500.001	1.007.867.892
40	13. Lợi nhuận khác		108.445.722.613	23.761.312.082
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		313.804.269.201	181.138.649.913
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	63.681.280.766	3.696.345.493
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33b	(890.292.398)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		251.013.280.833	177.442.304.420


Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		313.804.269.201	181.138.649.913
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		88.001.757.346	86.742.606.570
03	- Các khoản dự phòng		3.977.379.601	(1.223.992.630)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.375.645.421	(2.806.768.752)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(51.880.068.841)	(10.993.119.568)
06	- Chi phí lãi vay		9.133.565.044	20.851.215.090
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(61.350.008.110)	(24.767.043.813)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		306.062.539.662	248.941.546.810
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		40.186.947.484	(24.230.124.941)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		20.625.463.086	(42.734.169.841)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(19.717.340.406)	77.233.009.613
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.969.412.831	(27.188.713.704)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.350.003.780)	(7.959.741.449)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(50.953.772.133)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		479.607.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(980.934.360)	(641.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		302.321.919.384	223.419.906.488
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.903.511.871)	(7.317.431.932)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		47.218.693.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(170.807.424.658)	(80.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		90.252.904.110	40.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(456.228.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	15.710.310.728
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.574.986.224	605.994.647
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.664.352.740)	(31.457.354.557)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.190.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(196.000.542.772)	(40.290.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(582.966.588)	(113.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(196.583.509.360)	(36.213.730.000)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		67.074.057.284	155.748.821.931
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		174.711.618.987	19.587.028.863
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.413.717.574)	(624.231.807)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>237.371.958.697</u>	<u>174.711.618.987</u>


Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 359 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 373 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Do hoạt động vận tải biển trong nước và quốc tế vẫn đang diễn biến rất thuận lợi với giá cước liên tục duy trì ở mức cao, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022 tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn tất việc thanh lý tàu Mỹ Thịnh theo như kế hoạch đã đề ra. Điều này làm cho các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn, thu nhập khác và kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty tăng rất mạnh so với năm trước, chi tiết tại các Thuyết minh số 24, 25 và 30.

Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) khoản nợ về tái cơ cấu khoản vay với Ngân hàng TNHH Indovina và đã tiếp tục đàm phán thành công với DATC để tái cơ cấu khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt, chi tiết tại các Thuyết minh số 20, 21 và 30.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh tại Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Quảng Ninh

Địa chỉ

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Đà Nẵng
- Quảng Ninh

Hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải biển, đại lý vận tải biển
- Cho thuê văn phòng
- Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng chuyến tàu chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 năm |

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

06 - 25 năm

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	205.982.000	529.296.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	237.165.976.697	154.182.322.987
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u><u>237.371.958.697</u></u>	<u><u>174.711.618.987</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	120.554.520.548	-	40.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	120.554.520.548	-	40.000.000.000	-
	<u><u>120.554.520.548</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>40.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 120.554.520.548 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất của ngân hàng quy định theo từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	%	%
Đầu tư vào Công ty con	5.000.000.000	-			5.000.000.000	-		
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	5.000.000.000	-		100%	5.000.000.000	-		100%
Đầu tư vào đơn vị khác (**)	537.428.525	(442.698.120)			537.428.525	(415.749.320)		
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	(442.698.120)	94.320.800	0%	537.018.920	(415.749.320)	121.269.600	0%
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB (***)	409.605	-	880.000	0%	409.605	-	709.200	0%
	<u>5.537.428.525</u>	<u>(442.698.120)</u>			<u>5.537.428.525</u>	<u>(415.749.320)</u>		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022.

(***) Trong năm 2022, Công ty nhận được thêm 02 cổ phiếu thưởng VCB, được chốt quyền ngày 23/12/2021, thực nhận vào ngày 14/02/2022. Tại ngày 31/12/2022, Công ty vẫn đang nắm giữ các cổ phiếu thưởng này.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoành Sơn	5.635.289.073	(3.944.702.351)	10.635.289.073	-
HC TRADING MALTA LIMITED	-	-	4.617.184.802	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.509.071.220	-	940.090.805	-
Phải thu khách hàng khác	3.810.936.788	(2.174.204.279)	6.177.873.060	(3.349.100.204)
	10.955.297.081	(6.118.906.630)	22.370.437.740	(3.349.100.204)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Lê Phạm	-	-	559.673.300	-
Công ty TNHH VFQN Agency	-	-	282.618.747	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	416.417.923	-	237.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Shiptech	975.645.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Bắc Sông Cấm	387.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	302.034.791	-	100.697.838	-
	2.081.097.714	-	1.180.489.885	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	1.680.471.355	-	594.082.193	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	93.749.205	-	188.299.034	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	24.213.955	-	29.615.504	-
Tạm ứng	3.334.349.602	-	3.718.115.529	-
Ký cược, ký quỹ (*)	1.369.000.000	-	21.369.000.000	-
Phải thu Vinashinlines tiền chi hộ sửa	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân	-	-	2.983.955.413	-
Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.743.405.671	-	3.399.486.506	-
Phải thu khác	80.389.311	-	354.296.104	-
	15.668.066.673	(7.342.487.574)	39.979.337.857	(7.342.487.574)

(*) Khoản đặt cọc 20.000.000.000 đồng tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã được chuyển thành khoản trả nợ cho Công ty này trong năm.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoàn Sơn	5.635.289.073	1.690.586.722	10.635.289.073	10.635.289.073
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	-	-	636.440.000	-
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	-
- Các khoản khác	1.069.270.279	-	1.645.454.654	37.728.450
	15.151.980.926	1.690.586.722	21.364.605.301	10.673.017.523

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.906.983.565	-	43.786.826.139	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.271.117.280	-	35.016.737.792	-
	58.178.100.845	-	78.803.563.931	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	3.347.416.804	938.058.364
	3.439.374.004	1.030.015.564

(*) Thông tin về dự án

- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, Khu đô thị Hồ Sen - Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ đầu tư gồm 80% vốn tự có và 20% vốn vay thương mại;
- Quy mô của dự án: Xây dựng trụ sở làm việc 08 tầng + tum thang, diện tích xây dựng 1.049 m², tổng diện tích sàn xây dựng 7.718 m², diện tích đất sử dụng 2.819,7 m², chiều cao công trình là 35,9 m;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 80,97 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng và đã được cấp giấy phép xây dựng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.330.856.188	130.752.694	1.382.915.815.469	317.390.613	1.389.694.814.964
- Mua trong năm	-	-	4.555.728.014	-	4.555.728.014
- Chuyển sang từ bất động sản đầu tư	850.643.118	-	-	-	850.643.118
- Thanh lý tàu Mỹ Thịnh	-	-	(74.720.658.844)	-	(74.720.658.844)
Số dư cuối năm	7.181.499.306	130.752.694	1.312.750.884.639	317.390.613	1.320.380.527.252
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.981.617.675	124.185.883	1.078.694.455.184	295.176.072	1.084.095.434.814
- Khấu hao trong năm	172.974.840	4.285.716	86.766.128.764	8.127.276	86.951.516.596
- Chuyển sang từ bất động sản đầu tư	533.069.676	-	-	-	533.069.676
- Thanh lý tàu Mỹ Thịnh	-	-	(74.720.658.844)	-	(74.720.658.844)
Số dư cuối năm	5.687.662.191	128.471.599	1.090.739.925.104	303.303.348	1.096.859.362.242
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.349.238.513	6.566.811	304.221.360.285	22.214.541	305.599.380.150
Tại ngày cuối năm	1.493.837.115	2.281.095	222.010.959.535	14.087.265	223.521.165.010

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 210.860.503.938 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.315.801.081 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 là 664.654.500 đồng, hao mòn lũy kế tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 lần lượt là 275.565.606 đồng và 457.565.598 đồng, khấu hao trong năm 2022 là 181.999.992 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.478.148.137	21.072.499.632	24.550.647.769
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(850.643.118)	-	(850.643.118)
Số dư cuối năm	<u>2.627.505.019</u>	<u>21.072.499.632</u>	<u>23.700.004.651</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.069.998.309	16.055.706.539	19.125.704.848
- Khấu hao trong năm	76.115.526	792.125.232	868.240.758
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(533.069.676)	-	(533.069.676)
Số dư cuối năm	<u>2.613.044.159</u>	<u>16.847.831.771</u>	<u>19.460.875.930</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	408.149.828	5.016.793.093	5.424.942.921
Tại ngày cuối năm	<u>14.460.860</u>	<u>4.224.667.861</u>	<u>4.239.128.721</u>

Trong đó:

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê: 6.259.455.501 đồng;
- Trong năm 2022, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 3.408.728.624 đồng (năm 2021 là 3.896.712.353 đồng).
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.576.353.897	2.544.186.967
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.967.526	25.577.922
	<u>2.578.321.423</u>	<u>2.569.764.889</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	37.861.943.111	46.821.579.143
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	18.333.333
	<u>37.861.943.111</u>	<u>46.839.912.476</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	10.850.360.000	10.850.360.000	3.107.559.450	3.107.559.450
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	-	-	5.577.825.000	5.577.825.000
SYNERGY ASIA BUNKERING PTE LTD	-	-	2.452.623.816	2.452.623.816
MONJASA	9.012.333.078	9.012.333.078	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	16.005.301.701	16.005.301.701	12.695.096.705	12.695.096.705
	<u>35.867.994.779</u>	<u>35.867.994.779</u>	<u>23.833.104.971</u>	<u>23.833.104.971</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Khai Anh Bình Thuận	604.465.000	-
GUANGDONG TRANSPORT LTD	-	111.355.200
	<u>604.465.000</u>	<u>111.355.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	Số phải thu đầu năm	(Đã điều chỉnh)				
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	498.798.874	498.798.874	-	-
Thuế Nhập khẩu	-	-	165.538.287	165.538.287	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.366.466.825	688.667.401	63.681.280.766	50.953.772.133	-	8.049.709.209
Thuế Thu nhập cá nhân	-	61.487.640	1.869.788.002	1.681.721.605	-	249.554.037
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	296.897.985	-	2.533.559.562	5.166.733.158	2.930.071.581	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	5.663.364.810	750.155.041	68.753.965.491	58.471.564.057	2.930.071.581	8.299.263.246

(*) Số thuế 5.166.733.158 đồng đã thực nộp trong năm 2022 bao gồm 2.236.661.577 đồng nộp bằng tiền và 2.930.071.581 đồng tiền ứng trước để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo công văn số 2945/CTHPH-HKDCN ngày 03/10/2022 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	136.990.990
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	179.499.010	775.510.000
	179.499.010	912.500.990

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	13.176.361.200	66.258.237.025
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	23.528.246	14.338.523
	13.199.889.446	66.272.575.548

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	49.090.390	33.288.974
- Bảo hiểm y tế	53.327.330	48.191.321
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.690.341.588
- Phải trả lãi vay (*)	17.825.698.058	37.863.792.536
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.733.443.574	1.673.159.607
- Phải trả thuế TNCN tạm thu	-	40.638.313
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý (**)	58.628.174.289	106.389.790.051
- Phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) phí quản lý mua nợ (**)	3.042.477.443	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.092.768.759	788.118.996
	89.564.354.843	154.559.321.386
b) Dài hạn		
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng (*)	-	9.874.262.994
	-	9.874.262.994
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay	-	20.533.247.554
	-	20.533.247.554

(*) Số dư tại ngày 31/12/2022 là lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và lãi vay phải trả theo thỏa thuận mua bán nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

(**) Số dư tại ngày 31/12/2022 bao gồm khoản nợ gốc và lãi vay đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (BVB Hải Phòng) đang chờ xử lý. Ngày 30/06/2022, BVB Hải Phòng đã thông báo cho Công ty về việc thực hiện chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của BVB Hải Phòng được quy định tại các Hợp đồng tài trợ, Hợp đồng cho vay hợp vốn, Hợp đồng thế chấp và các phụ lục đính kèm sang DATC. Kể từ ngày 30/06/2022, DATC sẽ kế thừa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ mới được chuyển giao từ BVB Hải Phòng đối với Công ty.

Theo Biên bản làm việc về tiến độ thanh toán và xử lý nợ, tài sản bảo đảm với khoản nợ DATC mua của BVB Hải Phòng, Công ty cần phải thanh toán cho DATC khoản tiền bao gồm giá DATC mua nợ (104.313.512.352 đồng), phí quản lý 5% tính trên giá DATC mua nợ (5.215.675.618 đồng) và lãi suất chậm trả. Số tiền này sẽ được Công ty thanh toán cho DATC định kỳ hàng tháng trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm DATC nhận chuyển giao quyền chủ nợ từ BVB Hải Phòng. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với DATC, phần chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay với giá vốn DATC mua nợ, phí quản lý sẽ được Công ty ghi nhận vào Thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	104.313.512.352	127.313.512.352	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vay cá nhân	28.000.000.000	28.000.000.000	-	28.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (**)	-	-	104.313.512.352	99.313.512.352	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	102.767.814.831		15.216.805.645	99.287.620.476	18.697.000.000	18.697.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	31.097.000.000		13.392.000.000	25.792.000.000	18.697.000.000	18.697.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (***)	71.670.814.831		1.824.805.645	73.495.620.476	-	-
	<u>130.767.814.831</u>	<u>28.000.000.000</u>	<u>119.530.317.997</u>	<u>226.601.132.828</u>	<u>23.697.000.000</u>	<u>23.697.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	56.810.450.000		-	25.792.000.000	31.018.450.000	31.018.450.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (***)	127.154.420.671		3.237.469.885	130.391.890.556	-	-
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (****)	-	-	42.895.030.420	42.895.030.420	-	-
	<u>183.964.870.671</u>	<u>-</u>	<u>46.132.500.305</u>	<u>199.078.920.976</u>	<u>31.018.450.000</u>	<u>31.018.450.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(102.767.814.831)		(15.216.805.645)	(99.287.620.476)	(18.697.000.000)	(18.697.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>81.197.055.840</u>				<u>12.321.450.000</u>	<u>12.321.450.000</u>

(*) Các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty đang được tái cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này.

(**) Tiền vay trong năm tăng 104.313.512.352 đồng do chuyển từ nợ gốc và lãi vay chờ xử lý sang khoản vay sau khi tái cơ cấu nợ thành công và giảm 99.313.512.352 đồng do Công ty đã thanh toán nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(***) Tiền vay trong năm giảm 130.391.890.556 đồng chuyển sang nợ vay chờ xử lý liên quan đến khoản nợ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng - bên hợp vốn với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình (IVB Mỹ Đình) cho Công ty vay theo Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011) đã được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam mua lại, chi tiết tại Thuyết minh 20 - Phải trả khác và tăng 3.237.469.885 đồng do đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư khoản vay gốc ngoại tệ.

(****) Tiền vay trong năm tăng 42.895.030.420 đồng do chuyển từ nợ gốc và lãi vay chờ xử lý sang khoản vay sau khi tái cơ cấu nợ thành công và giảm số tiền tương ứng do Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022	Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam						
	Thỏa thuận xử lý khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	12 tháng kể từ thời điểm chuyển giao quyền chủ nợ	5.000.000.000	5.000.000.000	Tái cơ cấu nợ đối với khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	Tàu Vinaship Star, tàu Vinaship Pearl, tàu Vinaship Diamond và tàu Vinaship Sea

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022	Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng						
1	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTD ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	5.305.000.000	5.305.000.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Mỹ Hưng
2	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	25.713.450.000	13.392.000.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Vinaship Gold
Tổng cộng			31.018.450.000	18.697.000.000		

Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán		31/12/2022		01/01/2022	
		Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng		-	-	55.817.985.031	20.533.247.554
		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.817.985.031</u>	<u>20.533.247.554</u>
22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU					
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
		VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640	
Lãi trong năm trước (Đã điều chỉnh)		-	177.442.304.420	177.442.304.420	
Số dư cuối năm trước (Đã điều chỉnh)	<u>200.000.000.000</u>	<u>82.932.721.854</u>	<u>(41.121.022.794)</u>	<u>241.811.699.060</u>	
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(41.121.022.794)	241.811.699.060	
Lãi trong năm nay		-	251.013.280.833	251.013.280.833	
Số dư cuối năm nay	<u>200.000.000.000</u>	<u>82.932.721.854</u>	<u>209.892.258.039</u>	<u>492.824.979.893</u>	
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	
Các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000	
	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận					
		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000		
- Vốn góp đầu năm		200.000.000.000	200.000.000.000		
- Vốn góp cuối năm		<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>		
Cổ tức, lợi nhuận:					
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm		7.690.341.588	7.804.071.588		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		(582.966.588)	(113.730.000)		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		(582.966.588)	(113.730.000)		
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm		<u>7.107.375.000</u>	<u>7.690.341.588</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Cổ phiếu		<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
		VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
		<u>82.932.721.854</u>	<u>82.932.721.854</u>

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) **Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.670.396.420	2.744.727.276
- Trên 1 năm đến 5 năm	3.519.272.726	3.887.454.548
	<u>7.189.669.146</u>	<u>6.632.181.824</u>

b) **Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An; khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

c) **Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	9.109.719,85	6.530.523,26

d) **Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
LIANA CARRIER LTD	59.231.742	-
Sky Ocean Shipping Ltd	484.952.633	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.631.529.060	-
Doanh thu hoạt động vận tải biển	999.734.451.944	757.327.231.262
Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	34.259.260	7.792.266.424
Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	4.268.905.725	4.283.655.586
	<u>1.005.669.145.989</u>	<u>769.403.153.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.444.439.513	-
Giá vốn hoạt động vận tải biển	726.598.924.792	541.585.092.822
Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	11.807.407	7.734.184.528
Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	2.322.221.789	1.865.863.983
	<u>730.377.393.501</u>	<u>551.185.141.333</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.661.364.586	1.200.076.840
Lãi bán các khoản đầu tư	-	9.793.042.728
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.086.845.733	1.843.568.249
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.806.768.752
	<u>12.748.221.119</u>	<u>15.643.456.569</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.133.565.044	20.851.215.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.453.277.913	3.200.268.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.375.645.421	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	26.948.800	(1.245.795.200)
Chi phí tài chính khác	132.090	23.997.336
	<u>16.989.569.268</u>	<u>22.829.685.559</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	22.237.345.500	22.335.950.007
	<u>22.237.345.500</u>	<u>22.335.950.007</u>

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.929.529.348	1.355.520.006
Chi phí nhân công	31.598.164.940	24.860.656.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.956.226	706.006.494
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	3.950.430.801	21.802.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.673.298.479	1.971.093.438
Chi phí khác bằng tiền	3.573.132.457	2.398.416.376
	<u>43.454.512.251</u>	<u>31.318.495.111</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tàu Mỹ Thịnh	47.218.693.455	-
Tiền bồi thường thu được	103.410.000	-
Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay của các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC (*)	61.350.008.110	24.767.043.813
Thu nhập khác	78.111.049	2.136.161
	108.750.222.614	24.769.179.974

(*) Khoản thu nhập được ghi nhận từ số nợ gốc và lãi vay chờ xử lý còn lại sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) trong năm (chi tiết tại Thuyết minh số 20 - Phải trả khác).

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.500.000	2.616.784
Tiền hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đa năng trường tiểu học	300.000.000	-
Tiền ủng hộ quỹ vắc xin phòng dịch COVID 19	-	1.000.000.000
Chi phí khác	1	5.251.108
	304.500.001	1.007.867.892

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	313.804.269.201	181.138.649.913
Các khoản điều chỉnh tăng	4.602.145.428	3.340.649.403
- Chi phí không hợp lệ	150.683.440	2.716.323.139
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	4.451.461.988	624.326.264
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.800)	(165.997.571.849)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.800)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(160.157.232.514)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP chuyển từ các năm trước sang	-	(5.840.339.335)
Thu nhập chịu thuế TNDN	318.406.403.829	18.481.727.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	63.681.280.766	3.696.345.493
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(4.677.799.424)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(50.953.772.133)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	8.049.709.209	(4.677.799.424)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	890.292.398	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	890.292.398	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(890.292.398)	-
	(890.292.398)	-

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.959.610.016	254.563.922.160
Chi phí nhân công	122.841.805.809	98.895.850.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.001.757.346	86.742.606.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.115.709.890	192.039.242.651
Chi phí khác bằng tiền	10.009.877.365	7.592.900.166
	765.928.760.426	639.834.521.673

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	94.730.405	-	94.730.405
	-	94.730.405	-	94.730.405
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	121.679.205	-	121.679.205
	-	121.679.205	-	121.679.205

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	237.371.958.697	-	-	237.371.958.697
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.161.969.550	-	-	13.161.969.550
Các khoản cho vay	120.554.520.548	-	-	120.554.520.548
	371.088.448.795	-	-	371.088.448.795
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.711.618.987	-	-	174.711.618.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.658.187.819	-	-	51.658.187.819
Các khoản cho vay	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
	266.369.806.806	-	-	266.369.806.806

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	23.697.000.000	12.321.450.000	-	36.018.450.000
Phải trả người bán, phải trả khác	125.432.349.622	-	-	125.432.349.622
Chi phí phải trả	179.499.010	-	-	179.499.010
	149.308.848.632	12.321.450.000	-	161.630.298.632
Tại ngày 01/01/2022 (đã điều chỉnh)				
Vay và nợ	130.767.814.831	81.197.055.840	-	211.964.870.671
Phải trả người bán, phải trả khác	178.392.426.357	9.874.262.994	-	188.266.689.351
Chi phí phải trả	912.500.990	-	-	912.500.990
	310.072.742.178	91.071.318.834	-	401.144.061.012

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ theo các kiến nghị tại Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship số 1100/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
a) Bảng Cân đối kế toán riêng				
Tài sản ngắn hạn	100	341.929.970.881	377.414.620.673	35.484.649.792
Hàng tồn kho	140	43.318.914.139	78.803.563.931	35.484.649.792
Hàng tồn kho	141	43.318.914.139	78.803.563.931	35.484.649.792
Tổng cộng tài sản	270	706.334.990.091	741.819.639.883	35.484.649.792
Nợ phải trả	300	464.654.254.284	500.007.940.823	35.353.686.539
Nợ ngắn hạn	310	373.582.935.450	408.936.621.989	35.353.686.539
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24.368.389.261	23.833.104.971	(535.284.290)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	61.487.640	750.155.041	688.667.401
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	31.072.272.120	66.272.575.548	35.200.303.428
Vốn chủ sở hữu	400	241.680.735.807	241.811.699.060	130.963.253
Vốn chủ sở hữu	410	241.680.735.807	241.811.699.060	130.963.253
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(41.251.986.047)	(41.121.022.794)	130.963.253
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	177.311.341.167	177.442.304.420	130.963.253
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	804.603.456.700	769.403.153.272	(35.200.303.428)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	804.603.456.700	769.403.153.272	(35.200.303.428)
Giá vốn hàng bán	11	587.205.075.415	551.185.141.333	(36.019.934.082)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	217.398.381.285	218.218.011.939	819.630.654
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	156.557.707.177	157.377.337.831	819.630.654
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	180.319.019.259	181.138.649.913	819.630.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.007.678.092	3.696.345.493	688.667.401
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	177.311.341.167	177.442.304.420	130.963.253

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng				
Lợi nhuận trước thuế	01	180.319.019.259	181.138.649.913	819.630.654
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	248.121.916.156	248.941.546.810	819.630.654
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.249.520.049)	(42.734.169.841)	(35.484.649.792)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.567.990.475	77.233.009.613	34.665.019.138

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

